

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
**Quy hoạch phát triển ngành nông
nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định 321/2011/QĐ-TTg, ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 124/QĐ-TTg, ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Quyết định 899/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét Tờ trình số 1186/TTr-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Đề án Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp một cách toàn diện, dựa trên cơ chế thị trường; nhà nước giữ vai trò hỗ trợ bằng cơ chế, chính sách, tăng cường vai trò của nông dân và sự tham gia của các thành phần kinh tế. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, phù hợp với điều kiện sản xuất từng vùng. Đẩy mạnh cơ giới hoá và áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ để nâng cao sức cạnh tranh, gia tăng chuỗi giá trị hàng hoá, nhằm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Mục tiêu cụ thể:

(theo Phụ lục I đính kèm).

2. Quy hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2020:

Phát triển toàn diện theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phương pháp canh tác có tỷ lệ cơ giới hóa cao từ khâu làm đất đến thu hoạch, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất gắn liền với phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể:

a) Quy hoạch phát triển trồng trọt:

- Quy hoạch vùng sản xuất lương thực:

+ Vùng chuyên canh lúa: Duy trì diện tích gieo trồng cây lương thực trên 51 ngàn ha. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa cả năm đến năm 2020: 45,5 ngàn ha; sản lượng lương thực đến năm 2020 đạt trên 265 ngàn tấn. Tăng diện tích trồng lúa chất lượng cao lên khoảng 34,5 ngàn ha vào năm 2020. Tập trung tại các huyện trọng điểm nông nghiệp là Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ và thành phố Đông Hà.

+ Quy hoạch vùng sản xuất ngô: Tổng diện tích ngô đến năm 2020 ổn định 6.000 ha, sản lượng trên 18 ngàn tấn. Vùng ngô tập trung chủ yếu ở các huyện: ĐaKrông, Hướng Hóa, Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh và Cam Lộ.

- Quy hoạch vùng trồng cây công nghiệp ngắn ngày:

+ Vùng sản xuất lạc: Đến năm 2020 diện tích cây lạc ổn định khoảng 6.000 ha, sản lượng đạt 13.200 tấn. Tập trung tại các huyện Vĩnh Linh, Cam Lộ, Hải Lăng, ĐaKrông, Triệu Phong, Gio Linh.

+ Vùng nguyên liệu sắn: Duy trì diện tích sắn toàn tỉnh đến năm 2020: 10.500 ha. Diện tích trồng sắn tập trung tại các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Hải Lăng, Cam Lộ, ĐaKrông, Triệu Phong, Gio Linh và ở những vùng sản xuất theo hướng thâm canh, xen canh phù hợp.

- Quy hoạch vùng trồng cây thực phẩm, rau đậu: Hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất rau ở thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các huyện Cam Lộ, Vĩnh Linh, Hải Lăng, Triệu Phong, Hướng Hóa, ĐaKrông, Gio Linh để cung cấp cho các khu đô thị, dân cư thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và tiêu dùng nội bộ trong vùng. Dự kiến đến năm 2020, diện tích cây thực phẩm, rau đậu khoảng 8-10 ngàn ha, sản lượng 52-58 ngàn tấn.

- Quy hoạch vùng phát triển hoa, cây cảnh: Hình thành vùng chuyên canh hoa, cây cảnh theo thể mạnh của mỗi địa phương như: Các xã vùng ven thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và một số nơi có điều kiện. Phát triển diện tích hoa cây cảnh đến năm 2020 đạt 450 ha.

- Quy hoạch vùng trồng cây công nghiệp dài ngày:

+ Cây cà phê: Diện tích đến năm 2020 đạt 5.600 ha, sản lượng khoảng 13.855 tấn. Quy hoạch trồng tập trung ở huyện Hướng Hoá và một phần tại huyện ĐaKrông, trong đó, giai đoạn 2014-2020 tái canh 1.600 ha cà phê đã bị già cỗi (12-17 năm).

+ Cây hồ tiêu: Đến năm 2020, diện tích cây hồ tiêu trên địa bàn phát triển 2.650 ha. Tập trung phát triển ở vùng đất đỏ bazan của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Hải Lăng, Cam Lộ, Triệu Phong.

+ Cây cao su: Diện tích cao su toàn tỉnh đạt 27.000 ha đến năm 2020. Tập trung phát triển vùng phía tây các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hoá, ĐaKrông, Hải Lăng, Triệu Phong.

+ Cây ăn quả: Đến năm 2020 diện tích chuối sẽ tăng lên 4.400 ha, vùng chuối tập trung chủ yếu ở các xã Tân Long, Tân Thành và bảy xã vùng Lia thuộc huyện Hướng Hoá.

Cây bơ tập trung ở các huyện: Hướng Hóa, ĐaKrông, Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong Gio Linh, Vĩnh Linh.

Các loại cây ăn quả khác có tiềm năng phát triển và cho thu nhập cao là thanh long, mít, cam, chanh leo diện tích khoảng 3.100 ha.

b) Quy hoạch phát triển chăn nuôi:

- Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35-40% vào năm 2020. Trọng tâm là nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng tăng trọng, phát triển mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung và hộ gia đình, bảo đảm phát huy lợi thế từng vùng và an toàn dịch bệnh.

- Năm 2020, tổng đàn: Trâu 27 ngàn con, bò 55 - 60 ngàn con, lợn 250 - 260 ngàn con, gia cầm 2,2 triệu con, dê 14 ngàn con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt trên 54 ngàn tấn các loại. Tập trung phát triển chăn nuôi tại các vùng:

+ Vùng miền núi và vùng gò đồi: Phát triển chăn nuôi trâu, bò theo hướng trang trại, gia trại kết hợp với trồng cỏ.

+ Vùng đồng bằng và vùng cát ven biển: Ưu tiên phát triển chăn nuôi bò theo hình thức nuôi nhốt, phát triển đàn lợn, đàn gia cầm theo hình thức trang trại, gia trại xa khu dân cư. Phát triển trang trại chăn nuôi vịt và các loại thủy cầm khác ở các xã vùng trũng, vùng lúa trọng điểm.

- Quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung: Quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ loại I (trên 100 con/ca), loại II (50-100 con/ca); những vùng có ít điểm giết mổ, chủ yếu bán ở các chợ nhỏ lẻ thì bố trí xây dựng loại III (dưới 50 con/ngày). Quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung gồm 30 cơ sở, tại các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Hướng Hóa, Gio Linh, Cam Lộ, Vĩnh Linh, Đakrông, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị.

c) Quy hoạch phát triển lâm nghiệp:

Phát triển lâm nghiệp bền vững, đồng bộ từ khâu lâm sinh xây dựng vốn rừng đến khai thác, chế biến, dịch vụ và công tác tổ chức quản lí. Đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Kết hợp trồng rừng với phát triển chăn nuôi để khai thác, sử dụng có hiệu quả đất trồng, đồi núi trọc. Phấn đấu mỗi năm trồng mới trên 5.500-6.000 ha rừng tập trung, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 50% vào năm 2020.

d) Quy hoạch phát triển thủy sản:

Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh, chiếm trên 30% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2020. Khai thác thế mạnh về kinh tế biển, phát triển nuôi trồng, khai thác xa bờ, lấy công nghiệp chế biến làm động lực; tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá, phát triển các loại hình dịch vụ trên biển để giảm chi phí sản xuất; phát triển thủy, hải sản gắn với du lịch, công nghiệp ven biển và bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản. Phấn đấu sản lượng thủy sản năm 2020 đạt khoảng 38 nghìn tấn.

- Khai thác thủy sản: Từng bước đầu tư đóng mới và cải hoán gia tăng số lượng tàu thuyền có công suất lớn để thay thế dần các tàu thuyền có công suất nhỏ. Không phát triển tàu cá có công suất dưới 30CV. Sản lượng khai thác năm 2020 đạt 20.000 tấn.

- Nuôi trồng thủy sản: Chuyển đổi đất hoang hóa, vùng trũng trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Cam Lộ, thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà.

Phát triển nuôi thủy sản trên vùng cát ven biển các huyện: Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh. Nuôi tôm nước lợ tập trung ở các huyện: Vĩnh Linh, Triệu Phong, Gio Linh và thành phố Đông Hà.

Đến năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 4.000 ha, sản lượng đạt 18.000 tấn.

đ) Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất:

Tiếp tục đầu tư và nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi vùng gò đồi; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về xây dựng các công trình nhằm khai thác triệt để công suất tưới, tiêu các công trình thủy lợi hiện có, đảm bảo tưới tiêu ổn định cho 85% diện tích đất canh tác lúa vào năm 2020.

- Cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp với tần suất từ 75% lên 85%.

- Đảm bảo tiêu thoát nước phục vụ sản xuất với tần suất bằng 10%.

- Cấp và tạo nguồn cấp nước phục vụ cho dân sinh và các ngành kinh tế khác:

+ Tạo nguồn cấp nước phục vụ dân sinh trong vùng.

+ Tạo nguồn cấp nước nuôi trồng thủy sản mặn - lợ các vùng cửa sông ven biển.

+ Tạo nguồn cấp nước cho công nghiệp và kinh tế tập trung như: Khu công nghiệp Quán Ngang; Khu công nghiệp đường 9; Khu công nghiệp Nam Đông Hà; Khu công nghiệp Bắc Cửa Việt và các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Đảm bảo chống lũ trên các triền sông theo Chiến lược phát triển thủy lợi toàn quốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt .

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch:

a) Giải pháp về chính sách:

- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, bao gồm:

+ Đất đai: Hỗ trợ nông dân trong việc làm thủ tục về đất đai để người nông dân có cơ sở thế chấp vay vốn ngân hàng phát triển sản xuất. Khuyến khích tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa tập trung để cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.

+ Giống: Có chính sách trợ giá giống đối với cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

+ Tín dụng, đầu tư: Bổ sung chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các vùng sản xuất tập trung, thâm canh, trang trại, gia trại lớn; chính sách hỗ trợ đóng mới tàu cá xa bờ; chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, đặc biệt là các doanh nghiệp tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nông dân tham gia trực tiếp vào việc phát triển các cây con chủ lực, ngành nghề dịch vụ mới trong nông thôn;

+ Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, nhằm khắc phục tình trạng manh mún đất đai, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ

khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất, làm tăng năng suất đất đai và tăng năng suất lao động nông nghiệp, tích cực chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, bền vững.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp đã được Trung ương và địa phương ban hành.

b) Giải pháp về chế biến nông-lâm-thủy sản:

Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tập trung vào các sản phẩm chủ lực: Lúa gạo, cao su, cà phê, hồ tiêu, chuối, gỗ rừng sản xuất, thủy sản, cụ thể:

- Lúa gạo: Phát triển công nghệ chế biến gạo chất lượng cao ở các vùng lúa hàng hoá, phát triển các cơ sở xay xát và nghiên cứu thức ăn gia súc công suất và công nghệ phù hợp ở trung tâm các xã, thôn, bản để phục vụ cho đời sống và sản xuất chăn nuôi. Đầu tư xây dựng 01 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại khu công nghiệp của tỉnh. Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống chế biến nguyên liệu từ lúa, gạo như: chế biến bún, bánh, rượu.

- Hồ tiêu: Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết sản xuất, chế biến và xây dựng thương hiệu tiêu Quảng Trị.

- Cà phê: Ổn định về công suất của các nhà máy hiện có, không phát triển thêm nhà máy mới. Tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ và thiết bị chế biến để nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

- Cao su: Duy trì, ổn định công suất và tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ chế biến sản phẩm và công tác bảo vệ môi trường của 09 nhà máy hiện có để bao tiêu sản lượng nguyên liệu của diện tích cao su khai thác đến năm 2020.

- Chế biến chuối: Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng cơ sở bảo quản và chế biến chuối tại các địa phương trong tỉnh gắn với vùng nguyên liệu.

- Chế biến thủy sản: Nâng cấp nhà máy đông lạnh Cửa Việt; xây dựng 01 nhà máy đông lạnh công suất 5-7 ngàn tấn/năm; không phát triển thêm chế biến bột cá; xây dựng các khu chế biến thủy sản tập trung cho chế biến thủy sản khô, nước mắm tại các huyện và thị trấn ven biển để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Xây dựng thương hiệu một số mặt hàng thủy sản Quảng Trị.

- Chế biến gỗ: Xây dựng thêm nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng và xuất khẩu công suất 10.000 m³/năm.

c) Giải pháp về thị trường và xúc tiến thương mại:

- Nâng cao năng lực dự báo thị trường, dự báo trung hạn và dài hạn về: số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá mà thị trường cần; tình hình cung - cầu, giá cả của mỗi chủng loại hàng hoá. Trên cơ sở thông tin thị trường, xây dựng quy

hoạch, kế hoạch đầu tư sản xuất, lựa chọn hình thức và thời điểm tham gia thị trường hiệu quả nhất.

- Tập trung xây dựng thương hiệu hàng hóa sản phẩm có chất lượng của tỉnh, tăng cường tổ chức công tác quảng bá, giới thiệu, tiếp thị sản phẩm, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tổ chức tốt mạng lưới tiêu thụ nông sản để hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân tiêu thụ sản phẩm, xuất khẩu hàng hóa. Thực hiện tốt chương trình “Liên kết 4 nhà”, xây dựng mô hình “3 nhà” doanh nghiệp - hợp tác xã và nông dân để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

- Xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, chợ nông thôn, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia tiêu thụ nông sản phẩm cho nông dân. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các HTX có thể đảm nhiệm dịch vụ đầu ra cho nông sản hàng hoá. Phát triển các thị trấn, thị tứ, các trung tâm “công nghiệp - dịch vụ nông thôn” gắn với các trục giao thông chính.

d) Giải pháp về thủy lợi:

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước để đảm bảo an toàn nhất là các hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ; củng cố, nâng cấp công trình đầu mối, kiên cố hóa, từng bước hiện đại hóa các hệ thống hiện có; xây dựng và hoàn thiện các công trình lớn, liên vùng phục vụ đa mục tiêu, cấp nước cho các khu công nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các công trình trên dòng chính, công trình vùng cửa sông phục vụ đa mục tiêu.

- Đầu tư hệ thống thủy lợi cho vùng sản xuất màu tập trung để tạo điều kiện chuyển đổi cây trồng và nâng cao giá trị sản xuất.

- Củng cố các hệ thống đê sông, đê biển; phòng, chống ngập úng khu dân cư tập trung; chủ động phòng tránh và thích nghi với biến đổi khí hậu.

e) Giải pháp về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất:

Phát triển toàn diện theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới; từng bước ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Ứng dụng công nghệ để tăng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi chủ lực tham gia chương trình như: Lúa chất lượng cao, rau an toàn, hoa chất lượng cao, bò thịt cao sản, lợn chất lượng cao.

Khuyến khích các doanh nghiệp và nông dân mạnh dạn đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ cao trong sản xuất như đầu tư ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và làm nhà kính, nhà lưới, ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt và công nghệ sau thu hoạch, bảo quản sản phẩm.

f) Các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư: (Kèm theo Phụ lục II).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2014 và có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2015./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Các Bộ NN và PTNT, TNMT, CT, KHCN;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- VP Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND huyện đảo CC, TPĐH, TXQT;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VP TU, VP UBND tỉnh;
- Sở: NN và PTNT, KHĐT, TC;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Trị và Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh, PVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

100 b

CHỦ TỊCH



Lê Hữu Phúc



Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP
(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	Năm 2020
A	CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG		
I	Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân	%	3-4
II	Cơ cấu GDP nông lâm thủy sản	%	13
III	Tốc độ tăng trưởng GTSX bq/năm	%	3,5-4,0
IV	Cơ cấu ngành nông-lâm-thủy sản	%	100,0
1	Nông nghiệp	%	64,0
-	Trồng trọt	%	57,5
-	Chăn nuôi	%	35,1
-	Dịch vụ nông nghiệp	%	7,4
2	Lâm nghiệp	%	6,0
3	Thủy sản	%	30,0
B	CÁC CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN		
I	TRỒNG TRỌT		
1	Diện tích cây LT có hạt	ha	51.500
2	Sản lượng lương thực có hạt	tấn	265.518
3	Diện tích lúa gieo trồng cả năm	ha	45.500
	Trong đó: Lúa 2 vụ	ha	44.000
4	Diện tích lúa chất lượng cao	ha	34.500
5	Ngô	ha	6.000
6	Diện tích sản nguyên liệu	ha	10.500
7	Diện tích rau đậu	ha	10.000
8	Diện tích cây lạc	ha	6.000
9	Diện tích cây CN lâu năm		
	+ Hồ tiêu	ha	2.650
	+ Cao su	ha	27.000
	+ Cà phê	ha	5.600
	+ Cây ăn quả	ha	8.000
II	CHĂN NUÔI		
1	Tổng đàn trâu	1000 con	26-27
2	Tổng đàn bò	1000 con	55-60
3	Tổng đàn lợn	1000 con	250-260
4	Tổng đàn gia cầm	triệu con	2,0-2,2
5	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Ngàn tấn	54
III	LÂM NGHIỆP		
1	Trồng mới rừng tập trung	ha/năm	5500-6000
2	Khoanh nuôi TS rừng tự nhiên	ha/năm	1.000
3	Bảo vệ rừng tự nhiên	ha/năm	22.500
4	DT rừng được cấp chứng chỉ FSC	ha	42.000

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	Năm 2020
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50,0
IV	THỦY SẢN		
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	4.000
2	Tổng sản lượng thủy sản	tấn	38.000
V	THỦY LỢI		
	Diện tích tưới tiêu chủ động	%	85,0



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Các chương trình trọng điểm:

TT	Tên chương trình
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
2	Chương trình phát triển kinh tế tập thể
3	Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn
4	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển Nông-Lâm-Ngư nghiệp
5	Chương trình phát triển vùng lúa chất lượng cao
6	Chương trình xây dựng cánh đồng mẫu lớn
7	Chương trình phát triển cây công nghiệp dài ngày
8	Chương trình chăn nuôi, thú y
9	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng
10	Chương trình phát triển rừng (nhất là cây gỗ lớn), chương trình bảo vệ rừng, bảo vệ tính đa dạng sinh học
11	Chương trình phát triển kinh tế trang trại
12	Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020
13	Chương trình nuôi thủy sản; giống thủy sản, giống cây trồng, vật nuôi
14	Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn
15	Chương trình kiên cố hóa kênh mương
16	Chương trình phát triển hệ thống chợ nông thôn
17	Chương trình phát triển công nghiệp, làng nghề, ngành nghề nông thôn
18	Chương trình xây dựng hệ thống đê, kè bờ sông, bờ biển và di dân, tái định cư vùng sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển nguy hiểm.
19	Chương trình kế hoạch hành động phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh và ứng phó với biến đổi khí hậu
20	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Lào
21	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa vừa và nhỏ (toàn tỉnh)

2. Các dự án trọng điểm

a) Các dự án thủy lợi ưu tiên đầu tư giai đoạn 2014-2020

Công trình nâng cấp:

- Hệ thống hồ chứa nước La Ngà (Vĩnh Linh)
- Hệ thống hồ chứa nước Bảo Đài (Vĩnh Linh)
- Hệ thống hồ chứa nước Trúc Kinh (Gio Linh)
- Hệ thống hồ chứa nước Kinh môn (Gio Linh)
- Hệ thống hồ chứa nước Dục Đức (Vĩnh Linh)
- Hệ thống hồ chứa nước Triệu Thượng 1 và 2 (Triệu Phong)
- Hệ thống hồ chứa nước Mụ Huyện (Triệu Phong)
- Hệ thống kênh mương hồ Hà Thượng (Gio Linh)
- Nạo vét sông Ô Lâu, Ô Giang, Vĩnh Định (Hải Lăng)
- Nạo vét sông Cánh Hòm (Gio Linh)
- Hệ thống tiêu úng Trung - Sơn - Tài - Trạch (Triệu Phong)

Công trình xây dựng mới:

- Đập ngăn mặn sông Hiếu (Đông Hà)
- Hồ chứa nước sông Nhung, hồ Bến Đá (Hải Lăng)
- Hồ chứa nước Ba Hồ (Cam Lộ)
- Xây dựng hồ Khe Duyên và trạm bơm Quất xá (chuyển từ trạm bơm Cam Lộ lên) tưới cho vùng chuyên canh.
- Xây dựng hồ Vĩnh Phước III để tưới cho cây công nghiệp vùng Cù.

b) Các dự án ưu tiên vận động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2016 trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT (Theo Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Mục tiêu dự án	Quy mô đầu tư
1	Dự án Giảm nghèo và phát triển nông thôn bền vững tỉnh Quảng Trị	Các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông	Hỗ trợ giảm nghèo và phát triển nông thôn bền vững cho các xã nghèo gắn với nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Đào tạo nghề; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo các tiêu chí về nông thôn mới
2	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng và đời sống các xã	Các huyện: Hướng Hóa, Gio Linh, Vĩnh Linh,	Cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống vật chất	XD hệ thống đường giao thông nông thôn, trường

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Mục tiêu dự án	Quy mô đầu tư
	nghèo tỉnh Quảng Trị	Đakrông	và tinh thần các xã nghèo thông qua cải thiện tiếp cận thị trường, hỗ trợ mô hình sinh kế bền vững.	học, trạm y tế... cải thiện điều kiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số
3	Phát triển và XD thương hiệu cà phê Khe Sanh Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Hướng Hóa	Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và giá trị sản phẩm địa phương	XD thương hiệu cà phê Khe Sanh, đầu tư chăm sóc, xây dựng nhà máy chế biến cà phê
4	Quản lý bền vững rừng đầu nguồn sông Thạch Hãn nhằm đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị trong điều kiện biến đổi khí hậu	Các huyện: Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị	Bảo vệ rừng đầu nguồn sông song với bảo vệ nguồn nước đảm bảo cấp nước một cách bền vững cho các xã thuộc hạ lưu sông Thạch Hãn	Trồng mới 1000 ha rừng đầu nguồn, bảo vệ 2000 ha rừng đầu nguồn Cải tạo hồ Đập Trám với chiều dài 6 km. Cải tạo 15 km đường vành đai chống cháy rừng, nâng cấp 15 km đường lâm nghiệp
5	Hệ thống thủy lợi tiêu úng Trung, Sơn, Tài, Trạch	Tại vùng trũng 04 xã Trung - Sơn - Tài - Trạch thuộc huyện Triệu Phong	Nhằm đảm bảo cho nhân dân có điều kiện sản xuất thuận lợi, khắc phục ngập úng; phát triển nông nghiệp toàn diện, giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường sinh thái	1. Kênh chính Bắc dài 6384,54 m: sửa chữa, XD 31 công trình(08cũ; 23 mới). 2. Kênh T10-B dài 1591,53 m: xây mới 18 cống; 01 cầu H5 và sửa chữa 01 cầu máng. 3. Kênh T1-B dài 1836,3 m: gia cố bờ đường giao thông nông thôn chiều rộng mặt đĩnh 5 m; xây mới 01 cống D100. 4. Kênh chính Nam dài 4484,45 m: sửa chữa, xây

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Mục tiêu dự án	Quy mô đầu tư
				dựng 43 công trình (19 cũ; 24 mới).
6	Dự án phát triển nông thôn các tỉnh miền Trung	Toàn tỉnh	Phục vụ quản lý vận hành hệ thống hồ đầu mối, chống xói lở. Bảo vệ nhà cửa, tính mạng của nhân dân, phục vụ nhu cầu di lại của nhân dân trong vùng dự án	Nâng cấp hệ thống kênh mương, nâng cấp đường giao thông nông thôn
7	Dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp có tưới WB7 (Quảng Trị)	Huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và TP Đông Hà	Đáp ứng đầy đủ, kịp thời toàn bộ nhu cầu dùng nước của sản xuất nông nghiệp có tưới, đảm bảo an toàn hồ chứa và hệ thống kênh mương	Nâng cấp hồ chứa nước La Ngà, Trúc Kinh và hệ thống kênh mương Hà Thượng

c) Các dự án ưu tiên theo chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (Chương trình SP-RCC)

(Theo công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Mục tiêu dự án	Quy mô đầu tư
Xây dựng kè chống xói lở khẩn cấp thượng lưu hai bờ sông Thác Ma	Huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Xây dựng kè chống sạt lở, ổn định thượng lưu hai bờ sông Thác Ma qua khu vực xã Hải Sơn và Hải Chánh; chống lấn chiếm lòng sông, cản trở thoát lũ, đồng thời kết hợp chỉnh trang hai bên bờ sông tạo cảnh quan bảo vệ môi trường	Xây dựng mới với tổng chiều dài cần gia cố 11.000 mét gồm hai tuyến: Tuyến kè bờ tả (xã Hải Sơn) và tuyến kè bờ hữu (xã Hải Chánh)

d) Các dự án kêu gọi đầu tư công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp phụ trợ

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Mục tiêu dự án
1	Dự án nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Khu công nghiệp Quán Ngang ở xã Gio Quang, huyện Gio Linh	Xây dựng NM chế biến TACN từ nguồn nguyên liệu tại địa phương phục vụ ngành chăn nuôi Quảng Trị và các tỉnh lân cận
2	Dự án nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	tại Cửa Tùng hoặc Cửa Việt	Chế biến các loại hải sản có giá trị nhằm gia tăng giá trị XK thay vì chế biến thô như hiện nay.
3	Dự án nhà máy chế biến mộc cao cấp và dân dụng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu	KCN Nam Đông Hà hoặc KCN Quán Ngang ở xã Gio Quang, huyện Gio Linh.	Xây dựng NM nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng khai thác ở địa phương

e) Các dự án ưu tiên khác

TT	Tên dự án
1	Dự án xây dựng các cơ sở sản xuất giống
2	Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
3	Dự án xây dựng các trang trại chăn nuôi gia súc kết hợp trồng cỏ
4	Dự án xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm chăn nuôi
5	Dự án phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị
6	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất
7	Khu neo đậu trú tránh bão Cửa Tùng
8	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Cửa Việt (bờ Bắc)
9	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Triệu An
10	Đề án khôi phục cây hồ tiêu vùng Cửa giai đoạn 2011 – 2015.
11	Đề án Quy hoạch vùng sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu
12	Đề án “3 nhà” tiêu thụ nông sản

13	Hệ thống đê biển
14	Di dân tái định cư các vùng sụt lún, sụt lở đất nguy hiểm
15	Dự án thí điểm bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt ở hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng
16	Dự án Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề an ninh lương thực
17	Các trang trại nông lâm ngư hoặc kết hợp
18	Dự án phát triển hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên 6 huyện và thành phố: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ và TP Đông Hà giai đoạn 2015-2017
19	Dự án phát triển hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ tập trung ven sông Bến Hải giai đoạn 2015-2017.
20	Dự án phát triển hạ tầng các vùng nuôi tôm ven biển các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và Hải Lăng giai đoạn 2015-2020
21	Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu gỗ MDF
22	Dự án trồng rừng nhiên liệu sinh học
23	Dự án nâng cấp, mở rộng, nạo vét luồng lạch cảng Cửa Tùng, Cửa Việt